



QUY ĐỊNH

Mã số: TT.2019.1

**Đánh giá và cho điểm
đối với các khoa, viện đào tạo năm 2019
[5 tiêu chuẩn, 31 tiêu chí]**

Đơn vị:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Nội dung	Điểm quy định	Điểm đánh giá	
			Hội đồng ĐGKQTHCV đơn vị	Hội đồng ĐGKQTHCV Trường
1	Hoạt động giảng dạy	26.0		
1.1	Có từ 90% giảng viên hoàn thành định mức giờ chuẩn trực tiếp trên lớp trở lên	6.0		
	Có từ 70% đến dưới 90% giảng viên hoàn thành định mức giờ chuẩn trực tiếp trên lớp	3.0		
1.2	Kết quả khảo sát chất lượng dịch vụ từ 6.0 điểm trở lên	5.0		
	Kết quả khảo sát chất lượng dịch vụ từ 5.5 điểm đến dưới 6.0 điểm	3.5		
	Kết quả khảo sát chất lượng dịch vụ từ 5.0 điểm đến dưới 5.5 điểm	2.0		
1.3	Công bố chuẩn đầu ra đối với tất cả ngành/chuyên ngành đào tạo	5.0		
	Công bố chuẩn đầu ra từ 2/3 số ngành/chuyên ngành đào tạo trở lên	3.0		
1.4	100% môn học (học phần) đều có ngân hàng đề thi	5.0		
	Có từ 60% môn học có ngân hàng đề thi	4.0		
	Có từ 30% môn học có ngân hàng đề thi	3.0		
1.5	100% môn học đều có tài liệu giảng dạy, học tập	5.0		
	Có từ 95% môn học có tài liệu giảng dạy, học tập	2.5		
2	Hoạt động khoa học¹	32.0		
2.1	Có đề tài cấp Nhà nước được nghiệm thu	5.0		
	Có đề tài/đề án cấp Bộ hoặc tương đương được nghiệm thu	4.0		
	Có đề tài cấp Trường hoặc đề tài tình huống lớn	3.0		

¹ Đối với các tiêu chí trong hoạt động khoa học phải được phê duyệt và tính giờ trên hệ thống quản lý số giờ NCKH hoặc đính kèm minh chứng hợp lệ (tiêu chí 2.7, 2.9).

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Nội dung	Điểm quy định	Điểm đánh giá	
			Hội đồng ĐGKQTHCV đơn vị	Hội đồng ĐGKQTHCV Trường
	được nghiệm thu			
2.2	Có từ 90% giảng viên hoàn thành định mức NCKH trở lên	5.0		
	Có từ 60% đến dưới 90% giảng viên hoàn thành định mức NCKH	3.0		
2.3	Có bài công bố trên tạp chí ISI, hoặc đạt Scopus Q1, ABS bậc 4, ABDC hạng A, A*	8.0		
	Có bài công bố trên tạp chí Scopus Q2, ABS bậc 2-3, ABDC hạng B	6.0		
	Có bài công bố trên tạp chí Scopus Q3, ABS bậc 1	5.0		
	Có bài công bố trên tạp chí Scopus Q4, ABDC hạng C	4.0		
	Có bài công bố trên tạp chí quốc tế có ISSN (không thuộc danh mục Scopus, ISI)	3.0		
	Có bài công bố trên tạp chí khoa học trong nước (ISSN)	2.0		
2.4	Có bài trong kỷ yếu hội thảo khoa học do nhà xuất bản nước ngoài xuất bản	2.0		
	Có bài trong kỷ yếu hội thảo khoa học do nhà xuất bản trong nước xuất bản	1.0		
2.5	Có sách chuyên khảo được xuất bản	3.0		
	Có tài liệu tham khảo ² được xuất bản	2.0		
	Có tài liệu hướng dẫn ³ được xuất bản	1.0		
2.6	Có hợp đồng tư vấn hoặc chuyển giao kết quả NCKH cho Chính phủ	3.0		
	Có hợp đồng tư vấn hoặc chuyển giao kết quả NCKH cho vùng	2.5		
	Có hợp đồng tư vấn hoặc chuyển giao kết quả NCKH cho địa phương, ngành	2.0		
	Có hợp đồng tư vấn hoặc chuyển giao kết quả NCKH cho doanh nghiệp, tổ chức	1.5		

² Tài liệu tham khảo: là những tài liệu biên soạn dưới dạng tập bài giảng, tài liệu biên dịch, tài liệu tham khảo dùng cho công tác đào tạo; được UEH phê duyệt và thẩm định, duyệt làm tài liệu tham khảo cho giảng dạy trong trường.

³ Tài liệu hướng dẫn: là những sách hướng dẫn bài tập, thực hành, giải bài tập mẫu, sổ tay tra cứu chuyên môn,... được Hội đồng Khoa học Khoa/Viện đào tạo thẩm định, duyệt làm tài liệu hướng dẫn cho giảng dạy trong trường.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Nội dung	Điểm quy định	Điểm đánh giá				
			Hội đồng ĐGKQTHCV đơn vị	Hội đồng ĐGKQTHCV Trường			
2.7	Tổ chức hội thảo, tọa đàm có diễn giả quốc tế	3.0					
	Tổ chức hội thảo, tọa đàm có diễn giả trong nước	2.0					
	Tổ chức hội thảo, tọa đàm cấp khoa, viện	1.0					
2.8	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải thưởng cấp Thành phố/Bộ	2.0					
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải thưởng cấp Trường	1.0					
2.9	Có tổ chức cuộc thi học thuật cho sinh viên	1.0					
2.10	Biên soạn nội dung các lớp huấn luyện tiếng Anh cho đội ngũ UEH	3.0					
2.11	Tham gia giảng dạy các lớp huấn luyện tiếng Anh cho đội ngũ UEH	2.0					
2.12	Biên dịch nội dung cho Portal UEH - bản tiếng Anh ⁴	1.0					
3	Hoạt động quản trị đơn vị	20.0					
3.1	Mức độ thực hiện hệ thống chỉ tiêu hoạt động hàng năm (KPI) ⁵	8.0					
3.2	Huy động đủ số lượng cán bộ coi thi do Phòng Kế hoạch đào tạo - Khảo thí phân bổ ⁶	2.0					
3.3	Triển khai chủ trương, chính sách và đảm bảo thông tin của UEH đến toàn thể viên chức của đơn vị <table border="1" data-bbox="327 1400 545 1460"> <tr> <td>0.0</td> <td>1.0</td> <td>2.0</td> </tr> </table>	0.0	1.0	2.0	2.0 (tối đa)		
0.0	1.0	2.0					
3.4	Công thông tin (website) cung cấp và cập nhật hoạt động của đơn vị ⁷ <table border="1" data-bbox="327 1572 545 1632"> <tr> <td>0.0</td> <td>1.0</td> <td>2.0</td> </tr> </table>	0.0	1.0	2.0	2.0 (tối đa)		
0.0	1.0	2.0					
3.5	Đảm bảo sinh hoạt định kỳ của khoa, viện và bộ môn <table border="1" data-bbox="327 1706 545 1767"> <tr> <td>0.0</td> <td>1.0</td> <td>2.0</td> </tr> </table>	0.0	1.0	2.0	2.0 (tối đa)		
0.0	1.0	2.0					
3.6	Xây dựng và quản lý đội ngũ giảng viên thỉnh giảng <table border="1" data-bbox="327 1841 545 1901"> <tr> <td>0.0</td> <td>1.0</td> <td>2.0</td> </tr> </table>	0.0	1.0	2.0	2.0 (tối đa)		
0.0	1.0	2.0					

⁴ Tiêu chí này do Phòng Truyền thông và quan hệ công chúng đánh giá.

⁵ Tỷ lệ hoàn thành trung bình nhân với điểm của tiêu chí.

⁶ Tiêu chí này do Phòng Kế hoạch đào tạo - Khảo thí đánh giá.

⁷ Tiêu chí này do Phòng Công nghệ thông tin đánh giá.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Nội dung	Điểm quy định	Điểm đánh giá	
			Hội đồng ĐGKQTHCV đơn vị	Hội đồng ĐGKQTHCV Trường
3.7	Xây dựng chương trình đào tạo theo chuẩn AUN/FIBAA	2.0		
4	Trình độ đội ngũ	12.0		
4.1	Có từ 40% giảng viên đạt học vị Tiến sĩ	4.0		
	Có từ 20% đến <40% giảng viên đạt học vị Tiến sĩ	2.0		
4.2	100% giảng viên đạt học vị Thạc sĩ trở lên	2.0		
4.3	<i>Khoa Ngoại ngữ kinh tế</i>			
	Có từ 10% giảng viên có bằng đại học hoặc sau đại học về lĩnh vực kinh tế	4.0		
	Có từ 10% giảng viên có chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực kinh tế ⁸	3.0		
	<i>Các khoa, viện còn lại</i>			
	100% giảng viên có trình độ tiếng Anh đáp ứng mức B2 khung châu Âu trở lên hoặc trình độ ngoại ngữ (Pháp, Đức, Nga, Hoa, Nhật) đạt từ chuẩn bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam	4.0		
	100% giảng viên có trình độ tiếng Anh đáp ứng mức B1 khung châu Âu trở lên hoặc trình độ ngoại ngữ (Pháp, Đức, Nga, Hoa, Nhật) đạt từ chuẩn bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam	3.0		
	100% giảng viên có trình độ tiếng Anh đáp ứng mức A2 khung châu Âu trở lên hoặc trình độ ngoại ngữ (Pháp, Đức, Nga, Hoa, Nhật) đạt từ chuẩn bậc 2 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam	2.0		
4.4	Có từ 40% giảng viên hoàn thành ít nhất 1 (một) khóa huấn luyện kỹ năng mềm/bồi dưỡng chuyên môn có chứng chỉ hoặc được UEH công nhận	2.0		
	Có từ 20% đến <40% giảng viên hoàn thành ít nhất 1 (một) khóa huấn luyện kỹ năng mềm/bồi dưỡng chuyên môn có chứng chỉ hoặc được UEH công nhận	1.0		

⁸ Chỉ tính trong năm được cấp chứng chỉ

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Nội dung	Điểm quy định	Điểm đánh giá				
			Hội đồng ĐGKQTHCV đơn vị	Hội đồng ĐGKQTHCV Trường			
5	Hoạt động đoàn thể, cộng đồng	10.0					
5.1	Được các tổ chức, cơ quan ghi nhận thành tích của tập thể (<i>từ bằng khen trở lên, có minh chứng cụ thể</i>)	2.0					
5.2	Công đoàn đơn vị đạt danh hiệu Dẫn đầu	6.0					
	Công đoàn đơn vị đạt danh hiệu Vững mạnh xuất sắc	5.0					
	Công đoàn đơn vị đạt danh hiệu Vững mạnh	4.0					
	Công đoàn đơn vị đạt danh hiệu Khá	3.0					
5.3	Hỗ trợ hoạt động Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"> <tr> <td>0.0</td> <td>1.0</td> <td>2.0</td> </tr> </table>	0.0	1.0	2.0	2.0 <i>(tối đa)</i>		
0.0	1.0	2.0					
Tổng điểm							
Chữ ký							

TIÊU CHUẨN XÉT CHỌN DANH HIỆU THI ĐUA - HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

- Danh hiệu **Tập thể Lao động tiên tiến** = [Từ **70 điểm** trở lên] + [$\geq 50\%$ cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến] + [không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên].
- Danh hiệu **Tập thể Lao động xuất sắc** = [Từ **80 điểm** trở lên] + [100% cá nhân hoàn thành nhiệm vụ được giao] + [$\geq 70\%$ cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến] + [có cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở].
- Danh hiệu **Cờ thi đua cấp Bộ**: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng UEH bình chọn từ 01 đến 02 đơn vị trong số các đơn vị đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc.
- Hình thức **Bằng khen của Bộ trưởng** = [02 năm liên tục đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc].
- Hình thức (cao nhất được đề nghị) **Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ** = [Có Bằng khen cấp Bộ hoặc tương đương] + [05 năm tiếp theo trở lên liên tục đạt Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp Bộ hoặc tương đương hoặc có 02 lần được tặng Bằng khen cấp Bộ hoặc tương đương trở lên].
- Hình thức (cao nhất được đề nghị) **Huân chương Lao động hạng Ba** = [Có quá trình xây dựng, phát triển từ 10 năm trở lên] + [Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ] + [05 năm tiếp theo liên tục đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, trong đó có 2 lần được tặng Cờ thi đua cấp Bộ hoặc 1 lần được tặng Cờ thi đua cấp Bộ và 1 Bằng khen cấp Bộ hoặc tương đương trở lên].
- Hình thức (cao nhất được đề nghị) **Huân chương Lao động hạng Nhì** = [Huân chương Lao động hạng Ba] + [05 năm tiếp theo liên tục đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, trong thời gian đó có 1 lần được tặng Cờ thi đua của Chính phủ và 1 lần được tặng Cờ thi đua cấp Bộ hoặc có 03 lần được tặng Cờ thi đua cấp Bộ].
- Hình thức (cao nhất được đề nghị) **Huân chương Lao động hạng Nhất** = [Huân chương Lao động hạng Nhì] + [05 năm tiếp theo liên tục đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Cờ thi đua của Chính phủ và 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp Bộ hoặc có 04 lần được tặng Cờ thi đua cấp Bộ].